

Số: *1534*/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày *09* tháng *8* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước
tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quy hoạch tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NĐ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, Kỳ họp thứ Năm về việc thông qua Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 193/TTr-STNMT ngày 02 tháng 8 năm 2017 về việc xin phê duyệt Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Quan điểm quy hoạch

Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2025, định hướng năm 2030 phải phù hợp với chiến lược quốc gia về tài nguyên nước; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2020 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh, quy hoạch các huyện, thành phố..., đảm bảo không chồng chéo giữa các quy hoạch với nhau.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo hướng phát triển bền vững. Bảo vệ các hệ sinh thái phụ thuộc vào nước, các chức năng quan trọng của nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang;

- Làm cơ sở để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các ngành có hoạt động khai thác, sử dụng và phát triển nguồn nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo vệ nguồn sinh thủy:

+ Bảo vệ và phát triển rừng: Đến năm 2020 duy trì, phát triển và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ 255.053,9ha, trong đó diện tích có rừng 196.114,2ha; chưa có rừng 58.939,7ha; đến năm 2030 duy trì, phát triển và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, đảm bảo độ che phủ rừng trên 60%;

+ Bảo vệ hồ, đập: Khoanh định hành lang bảo vệ và vận hành đúng quy trình 45 hồ chứa, 11 hồ, đập thủy điện hiện có trên địa bàn tỉnh để bảo vệ chức năng của các hồ, đập ưu tiên các hồ, đập đang cấp nước đa mục tiêu. Tiến hành tu bổ, sửa chữa 13 hồ chứa thủy lợi đang bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh. Khoanh định hành lang bảo vệ và vận hành đúng quy trình 03 hồ chứa mới theo quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Giang. Đến năm 2030 tiếp tục duy trì bảo vệ các công trình hồ, đập sẵn có trên địa bàn tỉnh, tiến hành tu bổ, sửa chữa 05 hồ chứa thủy lợi. Khoanh định hành lang bảo vệ và vận hành đúng quy trình 01 hồ chứa mới theo quy hoạch;

+ Bảo vệ miền cấp nước dưới đất: đến năm 2025 bảo vệ 09 khu vực miền cấp cho nước dưới đất với diện tích 857,5km². Đến năm 2030 đảm bảo duy trì 09 khu vực miền cấp nước dưới đất và bảo vệ các khu vực còn lại.

- Phòng ngừa suy thoái cạn kiệt nguồn nước dưới đất:

+ Đến năm 2025 đảm bảo mực nước dưới đất không vượt quá ngưỡng giới hạn cho phép đến chiều sâu mực nước so với mặt đất tại thành phố Hà Giang 34,6m, tại thị trấn Đồng Văn 38,26 m;

+ Đến năm 2030 kiểm soát tình trạng khai thác nước dưới đất tại các khu vực bổ sung công trình khai thác nước lớn.

- Bảo vệ chất lượng nước mặt:

+ Đến năm 2025 đảm bảo xử lý 80% tổng lượng nước thải (74,56 triệu m³/năm) trước khi đổ ra sông suối. Kiểm soát chặt chẽ các sông, suối có chất lượng nước đang bị ô nhiễm;

+ Đến năm 2030 đảm bảo xử lý 90% tổng lượng nước thải (75,78 triệu m³/năm) trước khi đổ ra sông suối. Tiếp tục duy trì chất lượng nước các sông, suối có chất lượng nước tương đối tốt.

- Bảo vệ chất lượng các tầng chứa nước:

+ Đến năm 2025 xây dựng các công trình xử lý nước dưới đất trước khi đưa vào sử dụng tại những khu vực ô nhiễm chất lượng nước dưới đất. Hạn chế và giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất tại những khu vực tập trung khai thác nước dưới đất. Xây dựng mạng lưới giám sát chất lượng nước trong quá trình khai thác;

+ Đến năm 2030 duy trì chất lượng nước dưới đất tại các khu vực nêu trên và bảo vệ các tầng chứa nước có lượng nước tốt.

- Bảo vệ nguồn nước cần bảo tồn:

+ Đến năm 2025 kiểm soát các hoạt động làm suy thoái, ô nhiễm nguồn nước, khoanh định và cấm mốc phạm vi bảo vệ 14 nguồn nước cần bảo tồn liên quan đến tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử;

+ Đến năm 2030 tiếp tục duy trì, bảo vệ các nguồn nước nêu trên.

- Mạng giám sát chất lượng nước, xả nước thải vào nguồn nước:

+ Đến năm 2025 xây dựng 22 điểm quan trắc giám sát chất lượng nước mặt và 10 điểm quan trắc nước dưới đất;

+ Đến năm 2030 xây dựng bổ sung 19 điểm quan trắc nước mặt và 6 điểm quan trắc nước dưới đất.

3. Một số giải pháp cơ bản

a) Giải pháp về quản lý nhà nước:

- Ban hành các quy định phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, phù hợp với đặc điểm tài nguyên nước và công tác quản lý nhà nước của tỉnh;

- Tăng cường hợp tác chia sẻ và bảo vệ nguồn nước xuyên biên giới và nguồn nước liên tỉnh tuân thủ Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã được ký kết ngày 18/11/2009;

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền địa phương trong quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên nước, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên nước đến mọi tổ chức, cá nhân, khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả bảo vệ nguồn nước...;

- Công khai các thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm và các nguồn nước bị ô nhiễm cho nhân dân biết và phát huy sức mạnh cộng đồng trong theo dõi, giám sát các hoạt động bảo vệ nguồn nước.

b) Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi tài nguyên nước:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp Bình Vàng, cụm công nghiệp Nam Quang; xây dựng trạm xử lý rác thải tại khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; xây dựng, xử lý nước thải, rác thải thành phố và các thị trấn (*trung tâm huyện lỵ*) trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, đặc biệt là các nguồn nước xuyên biên giới ở Thanh Thủy, Suối Đỏ, sông Miện, sông Nho Quế... và các nguồn nước liên tỉnh như sông Gâm chảy từ Cao Bằng sang;

- Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước tỉnh Hà Giang;

- Áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và phát sinh ít nước thải; ứng dụng công nghệ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước và nâng cao hiệu suất sử dụng nước;

- Xây dựng vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; lập danh mục nguồn nước không được san lấp làm cơ sở cho công tác quản lý tại địa phương;

- Duy trì và phát triển diện tích rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước, nguồn sinh thủy quan trọng; đồng thời rà soát, chuyển một số diện tích đất rừng sản xuất thành rừng đầu nguồn để đảm bảo nguồn sinh thủy cho các hồ chứa;

- Điều tra, đánh giá thực trạng trữ lượng nguồn tài nguyên nước các giếng khoan phục vụ cho việc lập dự án khai thác, sử dụng nước giếng khoan trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các nguồn nước quan trọng có ý nghĩa khai thác sử dụng và nguồn nước linh thiêng;

- Điều tra, đánh giá xác định các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất khỏi nguy cơ ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nước dưới đất;

- Xây dựng các đới phòng hộ vệ sinh cho các công trình đang khai thác nước dưới đất; trám lấp các giếng khoan không sử dụng;

- Xây dựng công trình thu gom nước mưa, nước mặt bổ sung cho nước dưới đất để cải thiện chất lượng nước bị ô nhiễm, tăng cường khả năng đáp ứng của nguồn nước cho các hoạt động dân sinh, phát triển kinh tế;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;

- Đảm bảo độ che phủ cây xanh tại các khu đô thị để duy trì, cân bằng nguồn nước ngầm; hạn chế tối đa việc chuyển đổi đất rừng ở thượng lưu nguồn nước các sông nội tỉnh, sông liên tỉnh.

c) Giải pháp phi công trình:

- Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhằm tăng tác dụng phòng hộ và khả năng cung cấp nước cho các sông suối. Thực hiện tốt các giải pháp trong quy Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011 - 2020 ban hành theo quyết định 1981/QĐ-UBND ngày 19 tháng 09 năm 2013;

- Hỗ trợ trồng rừng, bảo vệ rừng theo các chương trình của Chính phủ, của tỉnh;

- Thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng;

- Quản lý việc cấp phép khoan giếng, khai thác nước các giếng đúng quy định; trám lấp các giếng khoan không sử dụng làm ảnh hưởng, ô nhiễm nước ngầm;
- Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ sinh học vào chăn nuôi để xử lý chất thải, không gây ô nhiễm nước mặt;
- Triển khai tuyên truyền cho nhân dân sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật đúng quy trình, xử lý bao bì sau khi sử dụng tránh làm gây ô nhiễm nguồn nước mặt;
- Ứng dụng công nghệ sinh học, xử lý nước sinh hoạt các hồ treo vùng cao;
- Tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tài nguyên nước, đầu tư một số chương trình dự án, đề án ưu tiên;
- Huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và kêu gọi sự tham gia đầu tư của các cá nhân doanh nghiệp để thúc đẩy quá trình thực hiện các dự án, đề án ưu tiên.

4. Kinh phí thực hiện quy hoạch

- a) Kinh phí thực hiện: 75,5 tỷ đồng.
- b) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, huy động nguồn vốn xã hội hóa dưới nhiều hình thức khác nhau.
- c) Hình thức đầu tư: Hợp tác công - tư (PPP), hoặc lồng ghép với các chương trình, dự án của Trung ương, tổ chức quốc tế, quy hoạch ngành, lĩnh vực, chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.
- d) Danh mục nhiệm vụ: 09 nhiệm vụ (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Công bố, chủ trì và phối hợp với các sở, ngành chức năng liên quan và UBND các huyện, thành phố phổ biến nội dung Quy hoạch này đến các cấp, các ngành, các tổ chức liên quan;
- Tổ chức, quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác sử dụng và xả thải vào nguồn nước thực hiện các nội dung Quy hoạch này;
- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành, huyện, thành phố liên quan thực hiện các danh mục nhiệm vụ ưu tiên trong Quy hoạch này;
- Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổng kết, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Quy hoạch này;
- Nghiên cứu, tham mưu cho các cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh một số nội dung của Quy hoạch, cũng như các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch bảo vệ tài nguyên nước nhằm phù hợp, thích ứng với điều kiện phát triển đột biến hoặc những biến cố không thể dự báo trong tương lai.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tích hợp các nội dung quy hoạch tài nguyên nước vào chiến lược, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương;

- Phối hợp với Sở Tài chính phân bổ các nguồn vốn, điều phối kinh phí cho các chương trình, nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch tài nguyên nước.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối và huy động mọi nguồn lực bao gồm xã hội hóa, các nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Quy hoạch.

4. Các Sở, ngành chức năng

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ, các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc triển khai Quy hoạch vào thực tế; lồng ghép các nội dung của Quy hoạch vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển của Sở, ngành trên địa bàn tỉnh.

5. UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ, điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương, các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy hoạch này trên địa bàn quản lý;

- Căn cứ nội dung của Quy hoạch này, các huyện, thành phố cần cụ thể hóa các mục tiêu và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn quản lý;

- Định kỳ hàng năm, các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện Quy hoạch trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh phụ trách khối;
- LĐ VPUBND tỉnh (đ/c Sang, Hùng);
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTN: đ/c Hồng, Hải.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Minh Tiến

PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2017
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



ST T	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (triệu đồng)
I	Giai đoạn đến năm 2025:					65.500
1	Nhiệm vụ tuyên truyền, cập nhật pháp luật về tài nguyên nước	2017-2018	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	500
2	Xây dựng mạng quan trắc, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Hà Giang phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên nước.	2018-2019	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	9.000
3	Rà soát điều chỉnh quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang.	2019-2020	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	4.000
4	Điều tra, đánh giá thực trạng trữ lượng nguồn tài nguyên nước các giếng khoan phục vụ cho việc lập dự án khai thác, sử dụng nước giếng khoan trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2017-2020	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	15.000
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước phục vụ công tác quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước	2018-2019	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	8.000
6	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cắm mốc hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2020-2022	NSTW	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	14.000
7	Điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, hạn chế và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất khỏi nguy cơ ô nhiễm,	2018-2019	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	15.000

ST T	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (triệu đồng)
	suy thoái và cạn kiệt nước dưới đất					
II	Giai đoạn đến 2030:					10.000
8	Xây dựng các đới phòng hộ vệ sinh cho các công trình đang khai thác nước dưới đất; Trám lấp các giếng khoan không sử dụng.	2025-2030	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	5.000
	Xây dựng công trình thu gom nước mưa, nước mặt bổ sung cho nước dưới đất để cải thiện chất lượng nước bị ô nhiễm, tăng cường khả năng đáp ứng của nguồn nước cho các hoạt động dân sinh, phát triển kinh tế	2025-2030	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	5.000